

# CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG NỀN KINH TẾ CHIA SẺ

● NGÔ VINH BẠCH DƯƠNG

## TÓM TẮT:

Bài viết tiếp cận từ góc độ công bằng thuế đối với người lao động trong khu vực kinh tế chia sẻ. Trên cơ sở đánh giá các quy định hiện hành của Việt Nam và các phân tích luật so sánh, tác giả chỉ ra những điểm bất cập và từ đó đề xuất các kiến nghị về chính sách thuế đối với nhóm lao động này.

**Từ khóa:** Chính sách thuế, người lao động, nền kinh tế chia sẻ, công bằng thuế.

## 1. Đặt vấn đề

Những mường tượng tốt đẹp về kinh tế chia sẻ chưa kịp hiện thực hóa, mô hình kinh tế này đã phát sinh hàng loạt thách thức hệ thống pháp luật. Đó không chỉ là việc định danh dịch vụ, những thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo chiều dọc, tiêu chuẩn bảo vệ người tiêu dùng thấp, xung đột với các hoạt động kinh doanh chính thức... mà còn là việc suy giảm an sinh xã hội với những lao động. Những hiện tượng làm việc quá sức, quá thời gian, học sinh, sinh viên, người thất nghiệp làm thêm toàn thời gian, bỏ bê học tập để bảo đảm thu nhập, không có bảo hiểm y tế, không có bảo hiểm xã hội, sức khỏe người tham gia kinh tế chia sẻ giảm sút phát sinh nhiều chi phí y tế,... Bên cạnh những "khoảng trống" về hệ thống pháp luật lao động và an sinh xã hội, chưa thể có ngay đáp án trong ngắn hạn, các chính sách, pháp luật về thuế hiện hành cũng

được cho là góp phần làm cho khu vực lao động này trở nên khó khăn hơn.

## 2. Nhận dạng lao động trong nền kinh tế chia sẻ

Kinh tế chia sẻ là hiện tượng mà người ta trao đổi những giá trị tài sản, sức lao động không sử dụng hết, hoặc nhàn rỗi của mình cho người tiêu dùng khác để thu lại những khoản hoa lợi, thù lao nhất định. Thông qua những nền tảng số, kinh tế chia sẻ đã có sự phát triển "vũ bão" với hàng loạt các dịch vụ như đi nhờ xe, giao đồ ăn, giúp việc nhà, cho thuê phòng trọ ngắn hạn,... Dường như bất cứ tài sản, kỹ năng nhàn rỗi nào cũng có thể đem cho thuê, mượn, khi nền tảng trung gian có đủ năng lực cung cấp thông tin rộng rãi đến người tiêu dùng.

Quá trình này, vô hình chung, đã làm gia tăng lực lượng lao động tự chủ, tự doanh. Họ không

cần đến các hợp đồng lao động, không cần cơ quan và ông chủ. Với kỹ năng lao động, tài sản nhân rồi, họ đăng ký và bán dịch vụ cho người tiêu dùng để thu lợi nhuận chứ không hưởng lương từ các quan hệ hợp đồng lao động.

Theo nghĩa thông dụng, người lao động là người thực hiện việc làm - những hoạt động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm<sup>1</sup>. Bảng phân loại quốc tế về tình trạng việc làm năm 1993 (ICSE-93) phân loại người lao động thành 5 loại chính: nhân viên được trả lương; người sử dụng lao động; người lao động tự doanh; lao động gia đình; thành viên hợp tác xã sản xuất và phần còn lại không được phân nhóm<sup>2</sup>. Nhân viên là tất cả những người lao động nắm giữ các công việc được trả một khoản thù lao cơ bản mà không phụ thuộc trực tiếp vào doanh thu của đơn vị mà họ làm việc. Người sử dụng lao động là những người lao động thu hút người lao động một cách thường xuyên và thù lao của họ phụ thuộc trực tiếp vào lợi nhuận thu được từ hàng hóa và dịch vụ được sản xuất. Lao động tự doanh là những người tự làm chủ nhưng không có nhân viên.

Với sự gia tăng của các lao động tự chủ, tự doanh, đặc biệt là khi kinh tế chia sẻ trở nên một trào lưu mạnh mẽ ở cấp độ toàn cầu, cách thức phân loại của ICSE-93 đã trở nên không còn phù hợp. Hội nghị Quốc tế về Thống kê Lao động đã thông qua vào năm 2018 một Bảng phân loại tình trạng việc làm sửa đổi (ICSE-18), đưa ra cách phân loại công việc theo 2 khía cạnh: quyền hạn kiểm soát đối với công việc và rủi ro kinh tế của người lao động.

Tiêu chí quyền hạn kiểm soát đề cập đến việc người lao động có được quyền tổ chức công việc của họ, bản chất của quyền hạn mà họ thực hiện đối với đơn vị kinh tế nơi thực hiện công việc và mức độ mà người lao động phụ thuộc vào một người hoặc đơn vị kinh tế khác để tổ chức công việc và/hoặc để tiếp cận thị trường. Theo tiêu chí này, có các loại lao động độc lập và lao động phụ thuộc.

Tiêu chí rủi ro kinh tế đề cập đến mức độ mà người lao động có thể phải chịu tổn thất về tài

chính hoặc các nguồn lực khác khi theo đuổi công việc. Theo tiêu chí này, có các loại lao động hưởng lương và lao động vì lợi nhuận. Với lao động hưởng lương, người lao động có thể vẫn được hưởng lương đầy đủ, cho dù kết quả kinh doanh của người sử dụng lao động có thể không tốt. Thế nhưng, với nhóm lao động thứ hai - những người tự chủ, tự doanh, thu nhập phụ thuộc kết quả lao động hay kinh doanh của chính họ.<sup>3</sup>

Kết hợp cả 2 tiêu chí nói trên, lao động tham gia mô hình kinh tế chia sẻ là những lao động độc lập (hay tự chủ) vì lợi nhuận. Điểm khác biệt giữa các lao động này với những lao động tự chủ truyền thống (chuyên gia độc lập, văn nghệ sĩ tự do, thợ thủ công hoạt động chuyên nghiệp một mình) là ở tính chất nhân rồi, tạm thời và tính chất phụ thuộc vào nền tảng số mà họ đăng ký tham gia.

### **3. Quản lý thuế đối với lao động trong nền kinh tế chia sẻ**

Trong khi việc quản lý thuế đối với nhà cung cấp dịch vụ trung gian, đặc biệt là các dịch vụ xuyên biên giới như Uber, Grab, Airbnb còn có những khó khăn về công cụ, căn cứ xác định loại hình, xác định chi phí thì việc quản lý thuế đối với các đối tượng tham gia lao động trong kinh tế chia sẻ lại thuận lợi hơn nhiều. Một khi các lao động này được đăng ký, cơ sở tính thuế đối với họ khá rõ ràng bởi họ làm việc thuần túy trong nước, thông tin thu nhập dễ tiếp cận hơn so với các nền tảng đa quốc gia.

Khá nhiều quốc gia quy định bắt buộc ký thuế đối với công dân của mình. Việc đăng ký mã số an sinh xã hội cùng với mã số thuế là bắt buộc như các yếu tố định danh công dân, các lao động tự chủ (self-employment), người lao động vừa đóng vai trò chủ sử dụng lao động, vừa đóng vai trò người lao động. Họ thực hiện đồng thời các nghĩa vụ thuế cho cả hai vai trò này. Ở Mỹ, thuế suất an sinh xã hội của lao động tự chủ là 15,3%. Tỷ lệ bao gồm 2 phần: 12,4% thu nhập cho bảo hiểm hưu trí, tử tuất và bảo hiểm tàn tật (gồm 6,2% cho vai trò người sử dụng lao động, 6% cho vai trò người lao động) và 2,9% cho bảo hiểm y tế (1,45% thu nhập

cho từng vai trò)<sup>4</sup>. Các khoản thuế phát sinh từ hoạt động kinh doanh được tính như các doanh nghiệp thông thường.

Ở Pháp, lao động tự chủ cũng được xác định như hoạt động tự doanh của doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh. Đáng lưu ý là, trong nhiều trường hợp, hoạt động kế toán của lao động tự chủ, doanh nghiệp siêu nhỏ là khó khăn, họ có thể được miễn thuế giá trị gia tăng<sup>5</sup> - Quy định này tương tự như ở Việt Nam, đối với các hộ kinh doanh cá thể có doanh thu dưới 100 triệu đồng/năm, hộ có thể được miễn thuế khoán theo Thông tư số 92/2015/TT-BT. Đáng lưu ý, dù giá trị gia tăng được xem là thuế gián thu, đánh vào người tiêu dùng nhưng trong nhiều trường hợp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, chúng lại có tính chất trực thu - tức là đánh vào người kinh doanh thay thế cho thuế thu nhập cho những trường hợp nhất định<sup>6</sup>.

Ở Việt Nam, so với nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước khác về hiện tượng kinh tế chia sẻ, khuôn khổ chính sách, pháp luật thuế, quản lý thuế đối với nhóm các lao động tham gia kinh tế chia sẻ đã khá rõ nét. Đặc biệt là trong lĩnh vực vận tải. Hoạt động tự doanh của các taxi ô tô, xe máy đã từng được xác định như cá nhân, hộ kinh doanh.

Về đăng ký thuế: cá nhân trước khi thực hiện kinh doanh theo mô hình kinh tế chia sẻ phải thực hiện đăng ký với cơ quan thuế để được cấp mã số thuế.

Đối với cá nhân, sau khi được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cá nhân phải thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế của quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh nơi đặt điểm kinh doanh của cá nhân trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp cá nhân đó đã được cấp mã số thuế cá nhân thì cá nhân sử dụng mã số thuế đó để kê khai, nộp thuế khi thực hiện kinh doanh.

Về hóa đơn, chứng từ nộp thuế, đây là điểm rất khó khăn đối với lao động tự chủ. Thông thường thì tổ chức cung cấp nền tảng sẽ cấp hóa đơn điện tử cho cá nhân đó và giao hóa đơn cho người mua

theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Giá trị gia tăng và Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Thời điểm lập hóa đơn là ngày người bán và người mua làm thủ tục ghi nhận hàng hóa, dịch vụ đã được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng. Hóa đơn có thể được lập theo hình thức hóa đơn giấy hoặc hóa đơn điện tử. Trước khi sử dụng hóa đơn, tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ phải lập thông báo phát hành hóa đơn gửi cơ quan thuế. Trước ngày 01/11/2018, việc khởi tạo, phát hành, sử dụng hóa đơn điện tử thực hiện theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC. Kể từ ngày 01/11/2018, việc khởi tạo, phát hành, sử dụng hóa đơn điện tử thực hiện theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.

Về nghĩa vụ kê khai, tính thuế, các lao động tự chủ tham gia kinh doanh theo mô hình kinh tế chia sẻ có tổng doanh thu từ tất cả các loại hình kinh doanh trong năm (bao gồm cả doanh thu từ các loại hình kinh doanh khác trên 100 triệu đồng/năm) phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân.

Tuy vậy, theo Nghị định số 126/2020 có hiệu lực từ ngày 5/12/2020, nghĩa vụ thuế của các lao động tự chủ và các cá nhân đăng ký hộ kinh doanh được tách ra thành 2 đối tượng khác nhau. Việc kê khai thuế của lao động tham gia kinh tế chia sẻ được cung cấp bởi nền tảng của một tổ chức thì cá nhân không trực tiếp khai thuế. Tổ chức có trách nhiệm khai thuế giá trị gia tăng đối với toàn bộ doanh thu của hoạt động hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế của tổ chức mà không phân biệt hình thức phân chia kết quả hợp tác kinh doanh, đồng thời khai thay và nộp thay thuế thu nhập cá nhân cho cá nhân hợp tác kinh doanh. Trường hợp tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 5 Điều 51 Luật Quản lý thuế, mà cá nhân có ngành nghề đang hoạt động cùng với ngành nghề hợp tác kinh doanh

với tổ chức thì tổ chức và cá nhân tự thực hiện khai thuế tương ứng với kết quả thực tế hợp tác kinh doanh theo quy định<sup>7</sup>. Quy định này được dựa trên cơ sở các nền tảng có dữ liệu chính xác về thu nhập của người lao động tham gia kinh tế chia sẻ và họ có điều kiện hoàn toàn thuận lợi để thực hiện việc kê khai thuế cho người lao động.

#### **4. Một số vấn đề phát sinh và định hướng hoàn thiện**

Mặc dù, chính sách thuế và quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế chia sẻ đã được quy định cụ thể trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật, tuy nhiên quá trình thực hiện đã chỉ ra còn có những vướng mắc nhất định. Cụ thể như:

*Thứ nhất*, việc phân biệt chủ thể kinh doanh, loại hình kinh doanh nhiều khi còn chưa rõ ràng. Đối với những giao dịch kinh doanh truyền thống, chủ thể kinh doanh thường thực hiện các hoạt động kinh doanh một cách liên tục nhưng đối với kinh tế chia sẻ, hoạt động này lại phụ thuộc vào tính nhân rỗi của lao động. Nếu hoạt động kinh doanh chuyên nghiệp và có quy mô trung bình đến lớn, chẳng hạn như các hợp tác xã vận tải có hàng trăm, thậm chí hàng ngàn xã viên, nếu tham gia kinh tế chia sẻ chắc chắn quản lý thuế đối với hoạt động của người lao động đơn lẻ, chỉ tham gia cung cấp dịch vụ vận tải trong lúc nhân rỗi. Điều này có thể dẫn đến tình trạng trục lợi chính sách, nếu áp dụng thống nhất mức thuế khoán đối với lao động có thu nhập từ 100 triệu đồng/năm trở lên. Quy định hiện hành của Thông tư số 92/2015/TT-BT áp dụng thuế giá trị gia tăng theo hình thức khoán đối với hộ và cá nhân kinh doanh chỉ là 3% trong khi đối với các doanh nghiệp vận tải là 10%. Định danh sai đối với lực lượng kinh doanh chuyên nghiệp thành kinh doanh chia sẻ sẽ có thể gây thất thu thuế và cũng làm ảnh hưởng lớn đến chính sách phát triển kinh tế chia sẻ, tận dụng mọi nguồn lực tham gia thị trường của Nhà nước ta. Vì vậy, cần định danh chính xác và chính thức đối với lực lượng lao động tham gia kinh tế chia sẻ là những người lao động tự chủ và không phải các doanh nghiệp kinh doanh có tính chuyên nghiệp đối với dịch vụ

mà đơn vị đó có ý định tham gia chia sẻ trên các nền tảng trung gian.

*Thứ hai*, việc doanh nghiệp hợp tác với cá nhân trong kinh tế chia sẻ kê khai thuế hộ có thể phát sinh những bất cập lớn nếu không được giải thích rõ ràng. Quy định của Nghị định số 126/2020 chưa cụ thể về việc áp dụng mức thuế nào cho lao động tham gia kinh tế chia sẻ. Chẳng hạn, Grab Việt Nam kê khai cho các tài xế xe ôm, thuế suất giá trị gia tăng áp dụng với họ là thuế khoán (3% giá trị gia tăng, 1,5% thu nhập cá nhân) hay là thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp vận tải với thuế suất giá trị gia tăng là 10%? Nó có thể tạo ra một sự bất công lớn, vì lao động tự chủ - có tỷ lệ cao là sinh viên đi làm thêm, người thất nghiệp tạm thời sẽ bị đánh thuế ở mức thuế suất là 11,5%. Đây là mức cao, đặc biệt là đối với các cá nhân kinh doanh có thu nhập thấp như người lái xe mô-tô 2 bánh (xe ôm). Cũng trong ví dụ về xe ôm, có thể thấy ngay rằng, lao động tự chủ chạy xe ôm theo mô hình kinh tế chia sẻ thiệt thòi hơn rất nhiều so với các xe ôm tự do bởi việc đăng ký thuế và nộp thuế. Nếu mức thuế của họ như của các doanh nghiệp vận tải đã nêu ở trên, sẽ là một ứng xử không công bằng với người nộp thuế và ưu ái với người không đăng ký và nộp thuế. Ngoài ra, phương tiện vận chuyển (xe máy, xe ô tô) là phần tài sản có giá trị nhất đối với cá nhân, hộ gia đình cung cấp dịch vụ vận tải. Nếu không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào cho khoán mua xe, sẽ làm cho các đối tượng này bị thiệt thòi và gây ra sự bất bình đẳng giữa cá nhân, tổ chức. Đồng thời, các chi phí nhiên liệu, viển thông, bảo hộ, vệ sinh dịch tễ cho hành khách (ví dụ khẩu trang, nước rửa tay khô) hoàn toàn đã có thuế giá trị gia tăng đầu vào, cần thiết được khấu trừ dựa trên những chứng từ hợp lệ và các định mức tiêu hao hợp lý cho hoạt động kinh doanh. Ví dụ kê khai 100 km vận tải, có doanh thu 600.000 đồng thì cần thiết phải tính toán một lượng xăng tối thiểu là bao nhiêu, rất cần xác định rõ để tránh thiệt thòi cho người lao động và bảo đảm công bằng thuế theo chiều ngang khi mà các doanh nghiệp vận tải luôn dễ dàng có thể lấy hóa đơn giá trị gia tăng để khấu trừ thuế ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN:**

<sup>1</sup>Đây cũng là định nghĩa “việc làm” tại điều 9, Bộ luật Lao động 2019 của Việt Nam.

<sup>2</sup>ILO. (1993). Resolution concerning the International Classification of Status in Employment (ICSE).

<sup>3</sup>ILO, OECD (2020). Ensuring better social protection for self-employed workers. paper prepared for the 2nd Meeting of the G20 Employment Working Group, trang 3.

<sup>4</sup>US Internal Revenue Service. Self-Employment Tax. <https://www.irs.gov/businesses/small-businesses-self-employed/self-employment-tax-social-security-and-medicare-taxes>.

<sup>5</sup>Escande-Varniol, Marie-Cécile (2018). “The Legal Framework for Digital Platform Work: The French Experience.” Law and the “Sharing Economy”: Regulating Online Market Platforms. edited by Derek McKee et al., by Sabrina Tremblay-Huet. *University of Ottawa Press*, pp. 321- 356.

<sup>6</sup>Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (2018), Báo cáo “Mức độ công bằng Thuế: Đánh giá cho Việt Nam 2017”. Nhà xuất bản Hồng Đức, trang 31. Hà Nội.

<sup>7</sup>Chính phủ (2020), Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, điều 7 khoản 5, điểm c.

**Ngày nhận bài: 10/10/2020**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/10/2020**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 30/10/2020**

*Thông tin tác giả:*

**NGÔ VINH BẠCH DƯƠNG**

**Viện Nhà nước và Pháp luật**

**TAX POLICIES ON SHARING ECONOMY  
WORKERS IN VIETNAM**

● **NGO VINH BACH DUONG**

Institute of State and Law,  
Vietnam Academy of Social Sciences

**ABSTRACT:**

This article is based on the perspective of tax fairness for workers in the sharing economy sector. By assessing current regulations and analyzing laws of Vietnam, this article points out shortcomings of Vietnams tax policies on sharing economy workers and proposes some recommendations to these policies.

**Keywords:** Tax policy, self-employed workers, sharing economy, tax fairness.